

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ***Số: 196/2009/NQ-HĐND***Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Việt Trì, ngày 16 tháng 12 năm 2009***NGHỊ QUYẾT****Về Quy hoạch phát triển nông thôn mới tỉnh Phú Thọ đến năm 2020****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHÓA XVI, KỶ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3719/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2009 của ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt Quy hoạch phát triển nông thôn mới tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua "Quy hoạch phát triển nông thôn mới tỉnh Phú Thọ đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau.

I. Quan điểm.

- Phát triển nông thôn mới phải bám sát các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; kết hợp phát triển kinh tế với củng cố hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; khơi dậy tinh thần, ý thức tự lực, tự cường, tự vươn lên của mọi người dân. Xây dựng môi trường sống ở nông thôn ổn định, hòa thuận và dân chủ; có đời sống vật chất ngày càng cao, đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại nông thôn trên cơ sở phát triển nền nông nghiệp hàng hóa; gắn phát triển đô thị với công nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Huy động tối đa nội lực, đi đôi với chú trọng thu hút các nguồn lực bên ngoài, nhất là vốn đầu tư và khoa học công nghệ.

- Lấy địa bàn xã để cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở vững chắc để xây dựng huyện nông thôn mới và tỉnh nông thôn mới.

II. Mục tiêu.**1. Mục tiêu tổng quát.**

- Phát triển kinh tế nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tạo diện mạo mới trong nông thôn, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa mới, tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa vùng đất Tổ. Tăng cường mối liên kết, liên minh công nông trí thức; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, gắn phát triển nông thôn với đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

Phấn đấu đến năm 2019, đạt tiêu chuẩn tỉnh nông thôn mới (80% số huyện đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới); năm 2020 có 100% số huyện đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Mục tiêu đến năm 2015.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (khu vực nông thôn) đạt 10,8%/năm; thu nhập bình quân đầu người tăng 2,3 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp, thủy sản 32 - 34%, công nghiệp - xây dựng 29 - 30%, dịch vụ - thương mại 37 - 38%.

- Lao động được giải quyết việc làm mới 10 - 15 nghìn người/năm. Duy trì kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở; cơ bản hoàn thành phổ cập bậc trung học.

- Có 9 bác sỹ/1 vạn dân; 90% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 75% số hộ gia đình có nhà vệ sinh hợp vệ sinh và 75% số hộ nông dân có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Công nghệ sinh học đóng góp 40 - 50% giá trị gia tăng trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Xây dựng mô hình nông thôn mới: Năm 2010 xây dựng 3 xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới; giai đoạn 2011 - 2015 xây dựng 95 xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới; 3 huyện (Lâm Thao, Thanh Thủy và Hạ Hòa) đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới.

b) Mục tiêu đến năm 2020.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (khu vực nông thôn) đạt 10,5%/năm; thu nhập bình quân đầu người tăng 5,4 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp, thủy sản 21 - 23%, công nghiệp - xây dựng 39 - 40%, dịch vụ - thương mại 38 - 39%.

- Lao động được giải quyết việc làm mới 10 - 15 nghìn người/năm. Sử dụng lao động ở nông thôn đạt 90% quỹ thời gian. Cơ cấu lao động: Nông lâm nghiệp dưới 40%, công nghiệp trên 32%, dịch vụ - thương mại trên 28%. Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng dưới 6%.

- Có 11 bác sỹ/1 vạn dân; 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 80% số hộ gia đình có nhà vệ sinh hợp vệ sinh và 80% số hộ nông dân có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Kết cấu hạ tầng cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống, trong đó: 100% đường huyện được trải mặt nhựa hoặc bê tông; 100% đường xã đạt tiêu chuẩn A, B mặt đường bằng vật liệu cứng. Đảm bảo nước tưới tiêu chủ động cho diện tích cây trồng hàng năm và trên 40% diện tích cây lâu năm vùng đồi (chè, cây ăn quả).

- Tỷ lệ đưa cơ giới vào sản xuất nông nghiệp: Làm đất trên 90%; thu hoạch trên 50%; sản phẩm nông nghiệp gắn với chế biến trên 80%. Công nghệ sinh học đóng góp 50 - 60% giá trị gia tăng trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản.

- ứng dụng công nghệ thông tin (máy tính, Internet...) hiện đại vào quản lý nông thôn cấp xã đạt 100%.

- Xây dựng mô hình nông thôn mới: Đến năm 2019 đạt tiêu chuẩn tỉnh nông thôn mới; năm 2020 toàn tỉnh có 210 xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới và 100% số huyện đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới.

III. Nội dung quy hoạch.

1. Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

a) Nông lâm nghiệp, thủy sản:

- Cây hàng năm: Đẩy mạnh sản xuất lúa, ngô hàng hóa ở những vùng có lợi thế; sản xuất rau an toàn ở các vùng cận đô thị, các khu cụm công nghiệp.

- Cây lâu năm: ổn định diện tích chè hiện có, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng chè. Tiếp tục phát triển các cây ăn quả đặc sản, cây ăn quả có lợi thế của địa phương.

- Chăn nuôi: Xây dựng các vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung xa khu dân cư, đảm bảo môi trường và thuận lợi cho công tác kiểm soát, phòng chống dịch bệnh. Mở rộng cơ cấu, diện tích nuôi trồng thủy sản bằng các giống có năng suất, giá trị kinh tế cao.

- Lâm nghiệp: ổn định 60 nghìn ha rừng nguyên liệu giấy tập trung, 10 nghìn ha rừng cây gỗ lớn, trên 10 nghìn ha cây cao su.

b) Dịch vụ - thương mại nông thôn: Phát triển đa dạng hóa ngành dịch vụ: Tài chính, tín dụng, bảo hiểm, cung ứng vật tư nông nghiệp, vận tải nhỏ; phát triển thương mại nhiều thành phần. ở khu vực nông thôn xây dựng 24 khu thương mại - dịch vụ tổng hợp, quy hoạch 210 chợ.

c) Công nghiệp nông thôn: Đẩy mạnh thực hiện quy hoạch các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, quy hoạch phát triển làng nghề, khuyến khích công nghiệp chế biến nông lâm sản thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ...

2. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực xã hội.

a) Dân số, lao động và giải quyết việc làm: Dân số nông thôn chiếm khoảng 57,6% dân số toàn tỉnh. Lao động trong độ tuổi 432,1 nghìn người. Cơ cấu lao động: Nông lâm nghiệp dưới 40%, công nghiệp trên 32%, dịch vụ - thương mại trên 28%. Đảm bảo tỷ lệ lao động được đào tạo hàng năm đạt trên 50%; giải quyết việc làm mới 10 - 15 nghìn lao động/năm; xuất khẩu trên 3 nghìn lao động/năm.

b) Giáo dục: Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học; tăng cường cơ sở vật chất, từng bước kiên cố phòng học cho các cấp học. Chú trọng phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở; mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp. Đảm bảo có ít nhất 60% số trường tiểu học, 50% số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

c) Y tế: Đẩy mạnh xã hội hóa ngành y tế; củng cố, phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, mạng lưới trung tâm giáo dục sức khỏe tuyến xã. Nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị y tế. Đảm bảo 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

d) Văn hóa thông tin: 100% số xã có thư viện, phòng đọc đạt chuẩn; 85% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 80% số làng, bản, khu dân cư văn hóa đạt chuẩn làng văn hóa; 100% số xã có thiết chế văn hóa cơ sở; 95% làng, bản có đội văn nghệ quần chúng.

đ) Bưu chính viễn thông: Xây dựng hệ thống mạng thế hệ mới, sử dụng công nghệ tiên tiến, cung cấp các dịch vụ băng thông rộng và ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện cáp quang hóa toàn tỉnh, phát triển cáp quang nội tỉnh đến tất cả các trạm viễn thông, trạm truy nhập.

e) An ninh nông thôn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; tăng cường công tác bảo vệ pháp luật, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

3. Quy hoạch cơ sở hạ tầng nông thôn.

a) Hệ thống nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn: Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch theo quy hoạch; xây dựng các bãi chứa và xử lý rác thải quy mô xã, cụm xã; vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hợp vệ sinh, xây dựng các khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư.

b) Thủy lợi: Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi của tỉnh. Trong đó đầu tư xây dựng mới 330 công trình; cải tạo, nâng cấp 474 công trình.

c) Giao thông: Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp đường huyện, đường xã, đường nội đồng, các bến bãi đường bộ, đường thủy theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

d) Hệ thống điện: Tập trung cải tạo đường dây 0,4KV và lắp đặt bổ sung trạm biến áp đối với các khu dân cư; nâng cấp lưới điện tại các cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch.

4. Quy hoạch sắp xếp và ổn định dân cư: Tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện có, bố trí sắp xếp dân cư cho phù hợp với quy hoạch các ngành và định hướng bố trí không gian nhà ở, các công trình trên đất của từng tiểu vùng.

5. Quy hoạch phát triển không gian nông thôn.

a) Quy hoạch khu ở gắn với các công trình hạ tầng như trường học, trạm y tế, chợ... đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân và phát huy hiệu quả sử dụng của các công trình. Bố trí không gian kiến trúc nhà ở thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất, đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp phong tục, tập quán của người dân, phù hợp với cảnh quan kiến trúc nông thôn của từng tiểu vùng.

b) Quy hoạch khu trung tâm xã: Trung tâm xã đặt trên đường trục xã, đảm bảo sự liên hệ thuận tiện đến các điểm dân cư trong xã và với bên ngoài. Tại trung tâm xã bố trí các công trình trụ sở xã, các công trình công cộng như trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa - thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ...

c) Quy hoạch công trình sản xuất, phục vụ sản xuất; hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Quy hoạch phù hợp với tiềm năng lợi thế của từng tiểu vùng, đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện cho quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.

d) Quy hoạch cây xanh, mặt nước: Đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với cải thiện môi trường sinh thái. Trồng cây xanh theo quy hoạch; cải tạo các ao, hồ, sông, suối để tạo không gian cảnh quan sinh thái và làm nơi điều hòa thoát nước mặt.

IV. Kinh phí thực hiện và nguồn vốn đầu tư.

1. Kinh phí thực hiện: 73.000 tỷ đồng. Trong đó phân kỳ đầu tư: Giai đoạn 2008 - 2010: 4.000 tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015: 23.600 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020: 45.400 tỷ đồng.

2. Dự kiến huy động nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách chiếm 55 - 60%; vốn của doanh nghiệp và của dân chiếm 30 - 35%; vốn tín dụng và liên doanh chiếm 10 - 20%.

V. Các giải pháp chủ yếu.

1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đi đôi với củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn.

- Tập trung phát triển những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện dồn đổi ruộng đất gắn với quy hoạch ruộng đồng.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về nguyên liệu, lao động tại chỗ của địa phương. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống ở nông thôn.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ; chú trọng các hoạt động tín dụng, bảo hiểm, cung ứng vật tư nông nghiệp, vận tải nhỏ, ... sớm hình thành các trung tâm thương mại nhỏ ở thị tứ, trung tâm cụm xã; phát triển mạng lưới chợ đầu mối và chợ nông thôn.

- Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn theo hướng chú trọng phát triển kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác...), kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, trang trại, gia trại...). Đổi mới hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp sang hoạt động dịch vụ đầu vào, đầu ra cho kinh tế hộ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới gắn với tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

2. Phát triển văn hoá, xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

- Đáp ứng các điều kiện về dạy và học ở các cấp học, ngành học và đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đảm bảo mọi người dân đều được học tập, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn. Chú trọng phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở; mở rộng quy mô dạy với nhiều hình thức, đào tạo nghề cho nông dân theo hướng tại chỗ, phù hợp với ngành nghề mũi nhọn ở địa phương; gắn đào tạo với giải quyết việc làm và phục vụ xuất khẩu lao động.

- Củng cố, phát triển hệ thống y tế công lập đi đôi với khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; y học hiện đại với y học cổ truyền. Mở rộng bảo hiểm y tế bắt buộc, khuyến khích bảo hiểm y tế tự nguyện. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngành y tế, nhất là cán bộ y tế tuyến xã; củng cố và phát triển mạng lưới trung tâm giáo dục sức khỏe ở cơ sở. Làm tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em, duy trì mức tăng ổn định về quy mô dân số, từng bước nâng cao thể lực, trí lực người dân nông thôn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, xã văn hóa. Chỉ đạo thực hiện phong trào "*Mỗi thôn, bản, khu dân cư, xã có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao*". Vận động thành lập thư viện, phòng đọc sách tư nhân ở cộng đồng dân cư; xây dựng tủ sách, phòng đọc báo, tạp chí ở các xã và nhà văn hóa, làng, bản. Củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ văn hóa thông tin cơ sở.

3. Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm tạo tiền đề trong xây dựng nông thôn mới.

Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, kết hợp khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, khuyến khích nhân dân cùng tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*". Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân, phù hợp với tiêu chí nông thôn mới của quốc gia và của tỉnh.

4. Xây dựng, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nông thôn mới.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thành lập công ty, vào các dự án đầu tư kinh doanh. Thực hiện tốt chính sách đất ở, nhà ở, việc làm cho người bị thu hồi đất.

- Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ, du lịch, hạ tầng các cụm công nghiệp, các thị tứ, trung tâm cụm xã, vệ sinh môi trường; các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể thao... khuyến khích người dân tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo phương thức nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm.

- Chú trọng đầu tư cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất; xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có đủ trình độ giải quyết những yêu cầu của sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn; hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa và trang trại, tổ hợp tác và hợp tác xã; hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục rủi ro do thiên tai.

- Đảm bảo nguồn lực thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn: Tăng tỷ lệ đầu tư phát triển cho nông thôn, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung đầu tư cho các mục tiêu trọng điểm, các giải pháp có tính đột phá. Tập trung cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ cho các vùng sản xuất hàng hóa. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng mô hình nông thôn mới.

5. Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội bức xúc, các vụ khiếu kiện kéo dài, phức tạp; không để phát sinh "điểm nóng" ở nông thôn. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân. Cùng cố, nâng cao chất lượng hoạt động đội ngũ công an, dân quân tự vệ cấp xã; nâng cao hiệu quả phối hợp để thực hiện có hiệu quả phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục cải cách hành chính; hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước ở cơ sở.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết với Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XVI, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2009.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng